

Phụ lục 16

Danh mục các học phần của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được công nhận tương đương trong CTĐT ngành Kinh doanh quốc tế

(Kèm theo công văn số /ĐHQGHN-ĐT ngày tháng năm 2023
của Đại học Quốc gia Hà Nội)

STT	CTĐT Kinh doanh quốc tế			CTĐT Ngôn ngữ Anh		
	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
I. Khối kiến thức chung: 21 tín chỉ (các học phần 8, 9 không tính vào số tín chỉ tích lũy)						
1.	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2
4.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Guidelines of Vietnam Communist Party</i>	2	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Guidelines of Vietnam Communist Party</i>	2
5.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2
6.	FLF1107	Tiếng Anh B1 (*) <i>English B1</i>	5	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5
7.	FLF1108	Tiếng Anh B2 (*) <i>English B2</i>	5	FLF1108	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5
8.		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4

STT	CTĐT Kinh doanh quốc tế			CTĐT Ngôn ngữ Anh		
	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
9.		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8
II. Khối kiến thức theo lĩnh vực: 11 tín chỉ						
10.	INS1016	Tiếng Anh chuyên ngành 1 <i>English for Specific Purposes 1 (**)</i>	4	INS1042	Nhập môn tiếng Anh Kinh doanh – Công nghệ thông tin (KD-CNTT) <i>Introduction to English for Purposes of Business and Information Technology</i>	2
				INS1032	Các chuyên đề Tiếng Anh định hướng kinh doanh <i>Themes in English for Business</i>	3
				INS1011	Các chuyên đề Tiếng Anh định hướng công nghệ thông tin <i>Themes in English for Information Technology</i>	3
11.	INS1014	Tiếng Anh học thuật 1 <i>English for Academic Purposes 1 (**)</i>	4	INS1042	Nhập môn tiếng Anh Kinh doanh – Công nghệ thông tin (KD-CNTT) <i>Introduction to English for Purposes of Business and Information Technology</i>	2
				INS1032	Các chuyên đề Tiếng Anh định hướng kinh doanh <i>Themes in English for Business</i>	3
				INS1011	Các chuyên đề Tiếng Anh định hướng công nghệ thông tin <i>Themes in English for Information Technology</i>	3
12.	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3

STT	CTĐT Kinh doanh quốc tế			CTĐT Ngôn ngữ Anh		
	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành: 17 tín chỉ						
13.	INS2003	Nguyên lí Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	INS2003	Nguyên lí Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3
14.	INS2009	Nguyên lí kế toán <i>Principles of Accounting</i>	4	INS2009	Nguyên lí kế toán <i>Principles of Accounting</i>	4
15.	INS2019	Tổ chức và quản trị kinh doanh <i>Business Organization and Management</i>	3	INS2019	Tổ chức và quản trị kinh doanh <i>Business Organization and Management</i>	3
16.	INS2024	Chiến lược tổ chức <i>Organizational Strategy</i>	3	INS2024	Chiến lược tổ chức <i>Organizational Strategy</i>	3
17.	INS2029	Giao tiếp trong kinh doanh <i>Business Communication</i>	2	INS2029	Giao tiếp trong kinh doanh <i>Business Communication</i>	2
18.	INS2022	Môi trường xã hội, đạo đức, pháp lí trong kinh doanh <i>Legal, Ethical, Social Environment of Business</i>	2	INS2022	Môi trường xã hội, đạo đức, pháp lí trong kinh doanh <i>Legal, Ethical, Social Environment of Business</i>	2
V. Khối kiến thức ngành: 16 tín chỉ						
19.	INS2021	Nhập môn kinh doanh quốc tế <i>Introduction to International Business</i>	3	INS2021	Nhập môn kinh doanh quốc tế <i>Introduction to International Business</i>	3
20.	INS4018	Quản trị đa văn hóa <i>Cross Cultural Management</i>	2	INS4018	Quản trị đa văn hóa <i>Multicultural Management</i>	2
21.	INS3021	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3	INS3021	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3
22.	INS3023	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế <i>International Human Resource Management</i>	3	INS3124	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3

STT	CTĐT Kinh doanh quốc tế			CTĐT Ngôn ngữ Anh		
	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
23.	INS3009	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3	INS3009	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3
24.	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Research Methods	2	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Research Methods	2

Ghi chú: - Số tín chỉ tối đa được bảo lưu: 63;

(*) Sinh viên tự tích lũy 2 tín chỉ Tiếng Anh B1 và Tiếng Anh B2;

(**) Điểm của học phần trong CTĐT thứ hai được xét công nhận tương đương với tối thiểu 2 học phần tương ứng của CTĐT thứ nhất và được tính bằng điểm trung bình chung theo tín chỉ của các học phần xét công nhận tương đương./.